

Số: 01-2026/ NA-TB

Phú Thọ, ngày 08 tháng 04 năm 2026

(V/ v công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

### **Kính gửi:**

- Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/ 2016/ NĐ-CP ngày 01/ 7/ 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ nghị định số 14/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ xây dựng;

Thực hiện Công văn số: 2286/ SXD-GĐ&QLCT của Sở xây dựng tỉnh Phú Thọ Về việc thực hiện công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định số 14/ 2026/ NĐ-CP ngày 13/ 01/ 2026 của Chính phủ.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NGUYỆT ANH** Công bố công khai thông tin về năng lực Hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

### **1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

**1.1 Tên tổ chức:** CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NGUYỆT ANH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500448812 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 9 năm 2011; Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 27 tháng 8 năm 2021; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc

+ Địa chỉ: Tổ 5, xóm Trại Thủy, khu HC số 1, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ

+ Người đại diện pháp luật: **LÊ THỊ BÍCH HẢI** Chức vụ: Giám đốc

+ Điện thoại: 0978 074 706 Email: [kminhvp@gmail.com](mailto:kminhvp@gmail.com)

+ Mã số thuế: 2500448812 Website: <https://nguyetan.com.vn>

**1.2 Thông tin Phòng thí nghiệm:** PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH

+ Địa chỉ: Tổ 5, xóm Trại Thủy, khu HC số 1, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ

+ Trưởng phòng: **KIỀU VĂN MINH** Điện thoại: 0904310527

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Xây dựng cầu đường

Nơi đào tạo: Đại học Giao thông vận tải

+ Email: [kminhvp@gmail.com](mailto:kminhvp@gmail.com)

Website: <https://nguyetanh.com.vn>

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, mã số: Las-XD 62.007 do Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 1982/ SXD-GCN ngày 08 tháng 7 năm 2024)

## 2. Thông tin Năng lực của tổ chức Hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

### 2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>XI MĂNG</b>		
1	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011 ASTM C109:11 AASHTO T106:22	Máy trộn, khuôn, máy dẫn, máy thử độ bền nén, uốn, ...
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012	Dụng cụ Vica, cân, đồng hồ bấm giây, máy trộn, khuôn Lơ Satolie
3	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng, cân, tủ sấy, Bình khối lượng riêng
4	Xác định độ nở sun phát tiềm tàng	TCVN 6068:2020	Khuôn tạo mẫu, máy trộn, dụng cụ đo chiều dài, thanh chuẩn, thiết bị autoclave, cân, đầu đo, ...
5	Xác định độ nở Autoclave	TCVN 8877:2011 ASTM C452-19	Khuôn tạo mẫu, máy trộn, thanh đầm mẫu, dụng cụ đo chênh lệch chiều dài, cân kỹ thuật, ống đong, đồng hồ bấm giây...
6	Xác định hàm lượng cặn khôngtan, mất khi nung, SiO <sub>2</sub> , Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , CaO, MgO, SO <sub>3</sub> , K <sub>2</sub> O...	TCVN 141:2023 TCVN 6820:2015 ASTM C114-24	Cân, tủ sấy, lò nung, máy đo pH, pipet, Buret, giấy lọc, ống đong, chày, cối, sàng, hóa chất...
<b>II</b>	<b>CÓT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>		
7	Xác định thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2: 06 ASTM 163/ 136M-19 AASHTOT27-20	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy
8	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4: 06 ASTM C127,128-15 AASHTO T84-13	Cân, bình dung tích, côn thử sụt cốt liệu, sàng...

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
9	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5: 06 ASTM C127-15 AASHTO T85-14	Cân thủy tĩnh, thước kẹp, tủ sấy, ...
10	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6: 06 ASTM C29/ C2M-23 AASHTO T19M/ T19-14	Cân, thùng đong, phễu chứa vật liệu, tủ sấy, bộ sàng, thanh gỗ phẳng, ...
11	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 06 ASTM C566-19 AASHTO T255-00	Cân, tủ sấy, ...
12	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 06 ASTM C117-17 ASTM C142M-17 AASHTO T11-20	Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình rửa cát, đồng hồ bấm giây
13	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9: 06	Thuốc thử, thang màu, ...
14	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 06	Máy nén thủy lực, máy khoan, thước kẹp, ...
15	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11: 06	Máy ép thủy lực, xi lanh bằng thép f 75 và f 150, cân, sàng, tủ sấy, ...
16	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 06	Máy Los Angeles, cân, tủ sấy, ...
17	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 06	Cân, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn
18	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic	TCVN 7572-14: 06	Cân, tủ sấy, lò nung, bình phản ứng, bộ chày cối đồng, hóa chất, ...
19	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15: 06	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cối chày đồng, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa chất HCL, HF, NaOH, .....
20	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16: 06	Hóa chất, tủ sấy, lò nung, thuốc thử, ...
21	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17: 06	Sàng, tủ sấy, kim sắt, kim nhôm, ...
22	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18: 06	Cân, kính lúp, ...

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
23	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20: 06	Cân, giấy nhám, đĩa thủy tinh
24	Xác định hệ số đương lượng cát ES	ASTM D2419-91 AASHTO T176	Ống hình trụ chia độ, đồng hồ bấm giây, ...
25	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Tủ sấy, thùng đong, giá đỡ, ...
26	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 75 $\mu$ m trong cốt liệu bằng phương pháp rửa	AASHTO T11 TCVN 9205 : 2012	Cân, sàng, tủ sấy, ...
<b>III</b>	<b>VỮA XÂY DỰNG</b>		
27	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022 EN 1051-1:99	Cân, sàng, tủ sấy, ...
28	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022 ASTM C1437:07	Cân, thước kẹp, bàn dẫn, khâu hình côn, ...
29	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022	Máy hút chân không, bộ thử khả năng lưu động của vữa, cân, thước kẹp, bàn dẫn, khâu hình côn, ...
30	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10: 2022 EN 1015-10:99	Cân, thước kẹp, tủ sấy, cân thủy tinh, ...
31	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 2022 ASTM C390-24 ASTM C109-21	Máy thử nén, bộ gá uốn, nén, ...
32	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18: 2022 ASTM C1218:99 EN1015-18:01; 1015-19:02	Cân, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, ...
33	Xác định thành phần cấp phối vữa xây	TCVN 4459-87	Máy trộn, khuôn, máy nén thủy lực, ...
<b>IV</b>	<b>BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG XI MĂNG</b>		
34	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105: 22	Khuôn các loại, dụng cụ lấy mẫu
35	Xác định độ sụt và độ chảy lan của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 22 ASTM C143, C1611 AASHTO T119	Côn thử độ sụt, thước lá kim loại, ...
36	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 22 ASTM C138 AASHTO T121	Thùng kim loại 5, 151 (cao 186 và 267mm), cân kỹ thuật, Thước lá thép, ...

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
37	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 22 ASTM C232	Khuôn thép 2x2x2cm, cân, sàng, thước lá, ống đong, tủ sấy,...
38	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 22 ASTM C642	Bình khối lượng riêng, cân, bình hút ẩm, tủ sấy, sà, ...
39	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 22 ASTM C642	Cân, tủ sấy, thước, bép điện, ...
40	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 22	Máy thử độ chống thấm, tủ sấy, giá ép mẫu, khuôn đúc mẫu
41	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118: 22 TCVN 10303: 25 TCVN 12252: 20 ASTM C39, C42 AASHTO T22, T140 JIS A1107 :12, 1012-9 :86	Máy ép thủy lực TYA-2000, thước lá kim loại, đệm truyền tải
42	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 22 ASTM C293, C78 AASHTO T97, T177 JIS A1106:06, 1114-11	Máy kéo nén vạn năng W-1000B, thước lá kim loại
43	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bở	TCVN 3120: 22 ASTM C496 AASHTO T198 JIS A1113 :06	Máy nén thủy lực, gối truyền tải, đệm gỗ
44	Xác định TP cấp phối bê tông	TCVN 9382:12; TCVN 10306:14; QĐ 778/1998/QĐ-BXD	Máy trộn, bộ đo độ sụt, cân kỹ thuật, khuôn đúc mẫu, máy nén thủy lực, ...
<b>V</b>	<b>GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>		
45	Xác định kích thước hình học, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99	Thước lá chính xác 1 mm
46	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy
47	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99	Máy nén thủy lực, thước thép, cân kỹ thuật,...
<b>VI</b>	<b>GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG</b>		
48	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước cặp, thước lá, thước phẳng

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
49	Xác định độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén thủy lực, thước, tấm kính làm phẳng, ...
50	Xác định kích cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén thủy lực, thước, tấm kính làm phẳng, ...
51	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy
52	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước lá, ...
53	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật, thùng đựng mẫu
54	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thước lá, thùng giữ ẩm trong thùng có lưới thép để đặt mẫu
<b>GẠCH BÊ TÔNG KHÔNG NUNG</b>			
55	Xác định kích thước hình học, màu sắc và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:16	Thước lá chính xác 1 mm, thước kẹp
56	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:16	Cân, thước thép, cát khô
57	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:16	Thước thép, tấm kính làm phẳng, máy nén, ...
58	Xác định độ thấm nước.	TCVN 6477:16	Thiết bị thử độ thấm, ống đồng, khay chứa mẫu
59	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy
<b>VIII GẠCH TERRAZO</b>			
60	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 7744: 13	Thước có độ chính xác 0.1 mm, thước nivô, thước lá
61	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744: 13	Cân điện tử, tủ sấy, thùng chứa nước, khăn ẩm, ...
62	Xác định kích cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén thủy lực, thước, tấm kính làm phẳng, ...
<b>IX THỬ NGHIỆM BENTONITE, POLYME</b>			
63	Xác định tỷ trọng	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Cân tỷ trọng, cân kỹ thuật, nhiệt kế, ...
64	Xác định độ nhớt	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Phễu Marsh, cốc chuẩn, nhiệt kế
65	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Rây chuẩn, ống đồng, phễu
66	Xác định tỷ lệ chất keo	TCVN 11893:2017	Rây chuẩn, ống đồng, phễu
67	Xác định độ ổn định	TCVN 11893:2017	Ống đồng, que khuấy, pipet, phễu
68	Xác định lượng tách nước	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Cốc đựng có vạch chia, đồng hồ bấm giây, ...

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
69	Xác định độ dày áo sét	TCVN 11893:2017 TCVN 13068:2020	Cốc đựng có vạch chia, đồng hồ bấm giây, ...
<b>X</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG</b>		
70	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12 AASHTO T100	Cân, tủ sấy, bình tỷ trọng, bếp cách cát, ...
71	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196: 12 AASHTO T217, T265,	Cân, tủ sấy, ...
72	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197: 12 AASHTO T89, T90	Bộ Casagrande, cối sứ, sàng, kính nhám, cân, tủ sấy, ...
73	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198: 14 AASHTO T27, T88	Cân, bộ sàng. cối và chày sứ, tủ sấy, tỷ trọng kế, ...
74	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): PP dao vòng; PP đo thể tích bằng dầu hỏa	TCVN 4202: 12 ASTM D2937, D7263 AASHTO T204	Cân thủy tĩnh, tủ sấy, dao vòng, ...
75	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201: 12 TCVN 12790 :2020 AASHTO T99	Cân, tủ sấy, bộ chày cối Proctor, sàng, ...
76	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm ( California bearing Ratio)	TCVN 12792 :2020 TCVN 8821: 12 AASHTO T193	Cân, tủ sấy, máy nén CBR, đồng hồ so, bộ khuôn CBR, ...
77	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-00 BS 1377:90	Máy nén, thước kẹp, đồng hồ đo biến dạng,...
78	Thử nghiệm cọc trụ xi măng đất gia cố nền đất	TCVN 9403: 12	Máy nén không nở hông, máy trộn, dụng cụ tạo mẫu, ...
<b>XI</b>	<b>THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>		
79	Đo dung trọng, độ ẩm đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020 TCVN 8730 : 2012	Cân, bộ thí nghiệm dao vòng, ...
80	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346: 06 TCVN 8729 :12	Cân, bộ thí nghiệm rót cát, ...
81	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866: 11	Bộ thử độ nhám, thước, cân kỹ thuật, ...
82	Đo điện trở đất	TCVN 9385: 12	Máy đo điện trở

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
83	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN8864: 11	Thước 3m, nôm
84	Xác định modul đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN8867: 11	Cần benkenmal, đồng hồ đo biến dạng, kích thủy lực...
<b>XII</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>		
85	Xác định độ ổn định, độ dẻo marshall	TCVN 8860-1:11 ASTM D6927 AASHTO T245	Máy nén Marshall, bể ổn nhiệt, tủ sấy, bộ đầm mẫu, thước kẹp, ...
86	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11; ASTM D2172 AASHTO T164A	Cân điện tử, tủ sấy, lò nung, máy chiết suất nhựa ly tâm, ...
87	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11	Cân điện tử, tủ sấy, bộ sàng, ...
88	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11 ; ASTM D2041 AASHTO T209(238)	Cân, bình tỷ trọng, máy hút chân không, ...
89	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11 AASHTO T166	Cân, cân thủy tĩnh, gio cân thủy tĩnh, ...
90	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7: 11	Cân, ống đong, phễu, giá đỡ, dao gạt, ...
91	Xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8: 11	Tính toán
92	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9: 11	Tính toán
93	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10: 11	Tính toán
94	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11: 11	Tính toán
95	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12: 11	Máy nén Marshall, bể ổn nhiệt, thước kẹp, ...
96	Xác định cường độ chịu kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén thủy lực, đệm truyền tải, thước kẹp, ...
97	Thiết kế thành phần hỗn hợp bê tông nhựa	TCVN 8820: 11	Bộ sàng, cân kỹ thuật, khuôn đúc mẫu, bộ đầm mẫu, máy nén Marshall, thùng trộn, ...
<b>XIII</b>	<b>BỘT KHOÁNG DÙNG CHO BÊ TÔNG NHỰA</b>		

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
	Khối lượng riêng	TCVN 8735:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình tỷ trọng, bình hút ẩm, ...
98	Thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, ...
99	Độ ẩm	TCVN 12884-2:2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay, bình hút ẩm, ...
100	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Ổng đồng, máy ly tâm, tủ sấy, cân chính xác 0.01 g, đồng hồ bấm giờ, ...
<b>XIV</b>	<b>THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM</b>		
101	Xác định độ kim lún, chỉ số độ kim lún PI Thông tư số : 27/2014/TT-BGTVT	TCVN 7495: 05, ASTM D5, AASHTO T49, 22TCN 279 :01	Thiết bị thử độ kim lún, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, ...
102	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496: 05, ASTM D113, AASHTO T51	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế, dao cắt nhựa, ...
103	Xác định nhiệt độ hóa mềm (pp vòng và bi)	TCVN 7497: 05, ASTM D36, AASHTO T53	Thiết bị thử nhiệt độ hóa mềm, ...
104	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hờ Cleveland	TCVN 7498: 05 TCVN 8818-2: 11 ASTM D92, AASHTO T48, T79	Giá có vòng đỡ, các chén sắt, nhiệt kế (400°C), đèn cồn, đồng hồ bấm giây.
105	Xác định tổn thất khối lượng (ché bị mẫu theo ASTM D1754)	ASTM D1754; AASHTO T47	Cân điện tử, tủ sấy, ...
106	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05 ASTM D 6-00 AASHTO T47	Cân kỹ thuật, tủ sấy, giá quay, cốc đựng mẫu, ...
107	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene, N-Propyl Bromide	TCVN 7500:2023 ASTM D2042 AASHTO T44	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình Erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích.
108	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05 ASTM D 70-03 AASHTO T228	Bình tỷ trọng, cân, tủ sấy, nhiệt kế, ...
109	Xác định độ nhớt động lực học	TCVN 7502:05 ASTM D 2170	Nhớt kế, nhiệt kế, dụng cụ đo thời gian, ...
110	Xác định hàm lượng Parafin	TCVN 7503: 05 EN 12606, DIN 52015	Cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bình lọc 500ml , bộ chưng cất,...

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)
111	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05 ASTM D3625	Cốc mỏ 10001m, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu, ...
<b>XV</b>	<b>THÉP XÂY DỰNG &amp; KIM LOẠI</b>		
112	Thử kéo, độ giãn dài, tiết diện	TCVN 197:2014 ISO 15630-1 ASTM A615, A370 JIS Z2241, Z2201	Máy thử kéo - uốn - nén, máy cắt mẫu, thiết bị khắc vạch mẫu, ...
113	Thử uốn, uốn lại	TCVN 198:2014 TCVN 6287 :97 ASTM A615, A370; JIS Z2248	Máy thử kéo - uốn - nén, phụ kiện (ê tô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)
114	Ống – Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008	Máy thử kéo - uốn - nén
<b>XVI</b>	<b>THỬ MỐI HÀN</b>		
115	Thử nghiệm lưới thép hàn.	TCVN 9391:2012	Máy thử kéo - uốn – nén, thước kẹp, ...
116	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử uốn	TCVN 5401:10	Máy thử kéo - uốn - nén, phụ kiện (ê tô, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)
117	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử kéo	TCVN 5403:191	Máy thử kéo - uốn – nén, thước kẹp
118	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại – Thử kéo ngang, thử kéo dọc	TCVN 8310 : 10 TCVN 8311 : 10	Máy thử kéo - uốn – nén, thước kẹp
<b>XVI</b>	<b>THỬ BU LÔNG, CỐC NỐI, TĂNG ĐƠ</b>		
119	Thử mối nối ống ren, cốc nối thép, tăng đơ	TCVN 8163: 09	Máy thử kéo - uốn – nén, thước kẹp
120	Thử nghiệm bu lông: độ bền kéo, uốn, giãn dài, độ cứng	TCVN 1916: 95	Máy thử kéo - uốn – nén, bộ gá kéo bu lông

N.H.H

## 2.2 Danh sách nhân sự Phòng thí nghiệm

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Văn bằng/ Chứng chỉ	Chức vụ
1	Kiều Văn Minh	Kỹ sư xây dựng cầu đường	- Quản lý hoạt động phòng thí nghiệm - Số: 1555/2007/VKH-TNXD ngày 27/01/2007 tại Viện khoa học công nghệ xây dựng về lĩnh vực Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông và vật liệu xây dựng	Trưởng phòng
2	Nguyễn Thành Trung	Kỹ sư xây dựng cầu đường	- Số: 1597/2007/VKH-TNXD ngày 27/01/2007 tại Viện khoa học công nghệ xây dựng về lĩnh vực Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông và vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên
3	Đào Mạnh Chính	Kỹ sư xây dựng cầu đường	- Số: 15.160.23/VKH-CN-TNV ngày 15/12/2023 tại Viện khoa học và công nghệ GTVT về lĩnh vực Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên
4	Phạm Ngọc Đăng	Bằng nghề	- Số: 001025302/ LĐT BXH-DN ngày 10/ 01/ 2008 tại trường cao đẳng giao thông vận tải về TNV kiểm tra chất lượng đường bộ - Số: 15735-A15739B/ VNĐ-TNV ngày 27/ 3/ 2020 tại viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới về thí nghiệm vật liệu xây dựng	Thí nghiệm viên
5	Phạm Thế Lực	12/ 12	- Số: 04648-A03529B/ VNĐ-TNV ngày 21/ 3/ 2022 tại Viện nghiên cứu và ứng dụng VLXD nhiệt đới về Thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng	Thí nghiệm viên

Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Nguyệt Anh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

**ĐẠI DIỆN**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**  
**THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

(ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Lê Thị Bích Hải*